1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7 - Năm học: 2022-2023**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Kĩ năng | Nội dung/ Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng % điểm |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dung | | Vận dụng cao | |  |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| 01 | Đọc hiểu | Thơ (bốn chữ, năm chữ) | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 |  |  | 60 |
| 02 | Viết | Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Tổng | | | 15 | 5 | 25 | 15 | 0 | 30 | 0 | 10 | 100% |
| Tỉ lệ | | | 20% | | 40% | | 30% | | 10% | |
| Tỉ lệ chung | | | 60% | | | | 40% | | | |

Ghi chú: Phần viết có 1 câu bao gồm 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

…………………………………………………………………………………………

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7 - Năm học: 2022-2023**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | |
| 1 | **ĐỌC HIỂU**  ( Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | Truyện dân gian  (Truyền thuyết, truyện cổ tích) | **Nhận biết**  - Nhận biết thể thơ, cách ngắt nhịp.  -Xác định đúng từ loại đã học.  **Thông hiểu**  - Phân tích được cách gieo vần, cách sử dụng điệp từ trong thơ.  - Hiểu nội dung bài thơ bài thơ.  - Xác định nghĩa của từ.  **Vận dụng**  **-** Rút ra được ý nghĩa từ văn bản  - Trình bày suy nghĩ của bản thân | | 3TN | 5TN | 2TL |  | |
| 2 | **VIẾT** | **Kể lại một trải nghiệm của bản thân** | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao**:  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả. | |  |  |  | 1TL | |
| **Tổng** | | | |  | 3TN | 5TN | 2TL | 1TL |
| **Tỷ lệ %** | | | |  | 20% | 40% | 30% | 10% |
| **Tỷ lệ chung** | | | |  | 60 | | 40 | |

\*Ghi chú: Phần viết có 1 câu bao gồm 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm

…………………………………………………………………………………………….

**C. ĐỀ**

**I. Trắc nghiệm**

Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

**Câu 1.** Nhạc cụ truyền thống Phú yên có mấy họ cơ bản?

A.Một B. Hai

C. Ba D. Bốn

**Câu 2.** Phú Yên có những loại nhạc cụ truyền thống nào?

A. Đàn đá; kèn đá; sáo; trống đôi. B. Đàn đá; kèn đá; kèn phím; trống đôi.   
C. Đàn đá; kèn đá; trống đôi, cồng ba, chiêng năm D. Đàn đá; kèn đá; trống đôi

**Câu 3.** Nhạc cụ *Đàn đá* và *Kèn đá* được phát hiện ở địa phương nào của tỉnh Phú Yên?

A.Huyện Sơn Hoà B. Huyện Tuy An

C. Huyện Đồng Xuân D. Huyện Sông Hinh

**Câu 4**. Nhạc cụ truyền thống Phú yên có vai trò gì?

A. Biểu diễn độc tấu B. Biểu diễn hoà tấu

C. Đệm ngâm thơ D. Cả 3 đáp án A,B,C

**Câu 5**. Các từ : ***cứ, chưa, đã*** trong bài thơ thuộc từ loại nào mà em đã học?

A. Danh từ B. Động từ

C. Tính từ D. Phó từ

**Câu 6.** Nối các từ ở cột A với nghĩa của chúng ở cột B

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Cột A | | | Cột B | |
| 1. | Chen chúc | a. | | Âm thanh, tiếng động từ nhiều phía rộn lên xen lẫn nhau |
| 2 | Xôn xao | b. | | Cho, trao một cách trang trọng |
| 3 | Vin | c. | | Chen nhau một cách lộn xộn |
| 4 | Tặng | d. | | Với tay mà níu |

**Câu 7.** Cho các từ : *tặng, xôn xao, cô cậu, hoa giẻ*. Hãy điển từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau:

Bài thơ miêu tả sinh động hình ảnh các……. (a) học trò………(b) đi hái………(c) và chọn ra những chùm hoa đẹp nhất, ngon nhất để dành……..(d) cô giáo của mình.

**Câu 8.** Điệp từ nào trong bài thơ được sử dụng để thể hiện sự đông vui, náo nhiệt?

A. Chùm B. Thơm

C. Cô D. Bạn

**Câu 9.** Nội dung bài thơ thể hiện tình cảm nào của các em học sinh dành cho cô giáo của mình?

**Câu 10.** Trình bày những tình cảm của em dành cho thầy, cô giáo.

**II. VIẾT**( 4 điểm).

Kể lại câu chuyện về một lần em mắc lỗi, trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả.

………………………………………………………………………………………………….

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | 1-c; 2-a; 3-d; 4-b ( Đúng 2 đến 3 từ đạt 0,25 điểm) | 0,5 |
| **7** | a-cô cậu; b-xôn xao; c-hoa giẻ; d-tặng | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được tình cảm của các em học sinh dành cho cô giáo.  (yêu thương, quý mến, kính trọng; muốn dành tặng cô những gì tốt nhất, đẹp nhất). | 1,0 |
|  | **10** | HS tự trình bày những tình cảm của mình dành cho thầy, cô giáo. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể về một trải nghiệm* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại câu chuyện một lần mắc lỗi*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được là em mắc lỗi gì? Với ai?  - Các sự kiện chính trong chuyện: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  -Kết thúc chuyện.  \* (Lưu ý: có sử dụng yếu tố miêu tả) | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

Hoà Quang Nam ngày 24 tháng 10 năm 2022

GVBM

Lê Thị Mai Trâm